

Bản án số: 07/2022/DS-ST

Ngày 18 - 02 - 2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi

Các hội thẩm nhân dân: Ông: Chu Quốc Đạt

Ông: Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Bùi Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 116/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2021 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-DS ngày 21/01/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1987 (có mặt);

Nơi cư trú: Số nhà 43 đường N, tổ dân phố số 2, phường T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị A (tức H2), sinh năm 1976 (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt);

Nơi ĐKKHTT: Thôn Y, xã Y, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Hiện cư trú: Ấp Đ, xã B, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Huỳnh Ngọc H1, sinh năm 1974 (có mặt);

Nơi cư trú: Số nhà 43 đường N, tổ dân phố số 2, phường T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1975 (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt);

Nơi ĐKKHTT: Thôn Y, xã Y, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Hiện cư trú: Ấp Đ, xã B, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:** Do mối quan hệ quen biết nên chị có cho chị Nguyễn Thị A (tức Nguyễn Thị H2) vay tiền nhiều lần, tổng cộng số tiền vay là 145.500.000 đồng. Cụ thể các lần cho vay như sau: Ngày

07/6/2018 cho vay 5.000.000đ; ngày 20/6/2018 cho vay 10.000.000đ; ngày 27/6/2018 cho vay 10.000.000đ; ngày 30/6/2018 cho vay hai lần mỗi lần mười triệu tổng 20.000.000đ; ngày 10/7/2018 cho vay 50.000.000đ; ngày 14/7/2018 cho vay 30.000.000đ; ngày 15/7/2018 cho vay 5.500.000đ; ngày 16/7/2018 cho vay 10.000.000đ; ngày 26/7/2018 cho vay 5.000.000đ. Tổng cộng số tiền cho vay là 145.500.000đ. Khi vay đều có viết Giấy biên nhận vay tiền, do chị Nguyễn Thị A (tức Nguyễn Thị H2) ký nhận. Chị đã nhắn tin qua zalo đòi tiền chị A (tức H2) nhiều lần nhưng chị A khất lần, không trả, còn thách thức sẽ không trả. Chị đã làm đơn gửi Công an huyện Lạng Giang đề nghị xử lý chị A (tức H2) về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, ngày 05/8/2021 Công an huyện Lạng Giang đã trả lời đây chỉ là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hướng dẫn chị khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang để được giải quyết. Nay chị yêu cầu anh L, chị A (tức H2) phải trả cho vợ chồng chị số tiền vay nợ tổng cộng là 145.500.000 đồng tiền gốc và lãi xuất theo quy định của pháp luật từ ngày vay tiền sau cùng đến nay.

*** Bị đơn chị Nguyễn Thị A (tức H2) trình bày:** Chị là người trung gian để chị Trần Thị H cho người khác vay tài sản, theo phương thức chị sẽ là người ký vay tiền, chị H sẽ giữ lại 20% số tiền cho vay và còn 80% sẽ đưa lại cho chị để đưa cho người thứ ba vay. Các giấy vay tiền ngày 07/6/2018, ngày 20/6/2018, ngày 27/6/2018, ngày 30/6/2018, ngày 10/7/2018, ngày 14/7/2018, ngày 15/7/2018, ngày 16/7/2018, ngày 26/7/2018 đều do chị ký và đã nhận tiền. Tuy nhiên chị đã trả phần lớn số tiền, khi trả tiền chị không lập biên bản giao nhận. Do đó đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, chị chỉ đồng ý trả chị H số tiền 50.000.000đ và khi nào có tiền chị mới có thể trả cho chị H.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. **Anh Huỳnh Ngọc H1 trình bày:** Anh hoàn toàn đồng ý với lời trình bày của chị H, nguồn tiền chị H cho chị A (tức H2) vay là tiền chung của vợ chồng, nay anh yêu cầu vợ chồng chị A (tức H2), anh L phải có trách nhiệm trả vợ chồng anh số tiền vay nợ tổng cộng là 145.500.000đ tiền gốc và lãi xuất theo quy định của pháp luật từ ngày vay tiền sau cùng đến nay.

2. **Anh Nguyễn Văn L trình bày:** Anh không biết gì về việc vay tiền giữa chị Trần Thị H và vợ anh Nguyễn Thị A (tức H2). Anh không biết vợ anh vay tiền làm gì, nhưng không vì mục đích chi tiêu trong gia đình. Vì vậy anh không liên quan gì đến vụ án và anh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị H.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị H, anh H1 đều có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu trên và trình bày thêm; yêu cầu vợ chồng anh L, chị A (tức H2) phải trả cho vợ chồng anh, chị số tiền vay nợ tổng cộng là 145.500.000đ tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày quá hạn 17/8/2018 đến nay. Chị Nguyễn Thị A (tức H2), anh Nguyễn Văn L đều vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết, các đương sự trong suốt quá giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay chị H, anh H1 đều có mặt. Chị A (tức H2), anh L đều vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Hướng đề xuất: Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đề nghị áp dụng: Điều 26; 35; 147; 228; 235; 264; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 357; 463; 466; 468 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 26; 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H. Buộc chị Nguyễn Thị A (tức H2) phải có trách nhiệm thanh toán trả vợ chồng chị Trần Thị H, anh Huỳnh Ngọc H1 145.500.000đ tiền gốc và 50.925.000đ tiền lãi suất; tổng cộng cả gốc và lãi suất là 196.425.000đ (một trăm chín sáu triệu bốn trăm hai nghìn đồng). Ngoài ra còn đề nghị xử lý tiền án phí, tuyên quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ thì nguyên đơn chị Trần Thị H, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Số nhà 43 đường N, tổ dân phố số 2, phường T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Khởi kiện đòi tiền cho vay chưa trả đối với chị Nguyễn Thị A (tức H2), sinh năm 1976; Nơi ĐKKHKT: Thôn Y, xã Y, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Hiện cư trú: Ấp Đ, xã B, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Nội dung: Theo 10 Giấy biên nhận vay tiền do chị H xuất trình đều có nội dung, chị H cho chị Nguyễn Thị A (tức Nguyễn Thị H2) vay tổng số 145.500.000đ. Nay chị H đề nghị Tòa án buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị A (tức H2), anh Nguyễn Văn L phải trả cho chị H số tiền vay gốc 145.500.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày quá hạn 17/8/2018 đến nay. Như vậy xác định được đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản, phạm vi khởi kiện là đòi lại tiền gốc và lãi suất theo pháp luật, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay chị H, anh H1 đều có mặt. Chị A (tức H2), anh L đều vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Nên HĐXX căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Xuất phát từ quan hệ quen biết nên trong tháng 6 và tháng 7 năm 2018, chị Trần Thị H có sử dụng tiền chung của vợ chồng cho chị Nguyễn Thị A (tức Nguyễn Thị H2) vay nhiều lần. Cụ thể các lần cho vay như sau: Ngày 07/6/2018 cho vay 5.000.000đ, ngày 20/6/2018 cho vay 10.000.000đ, ngày 27/6/2018 cho vay 10.000.000đ, ngày 30/6/2018 cho vay hai lần mỗi lần mười triệu đồng tổng 20.000.000đ, ngày 10/7/2018 cho vay 50.000.000đ, ngày 14/7/2018 cho vay 30.000.000đ, ngày 15/7/2018 cho vay 5.500.000đ, ngày 16/7/2018 cho vay 10.000.000đ, ngày 26/7/2018 cho vay 5.000.000đ. Tổng cộng số tiền cho vay là 145.500.000đ. Khi vay đều viết Giấy biên nhận vay tiền, có thỏa thuận thời hạn thanh toán từ một ngày đến 30 ngày, không thỏa thuận lãi suất. Đến hạn chị A (tức H2) không trả, chị H đã nhắn tin qua Zalo, gửi đơn đến Công an huyện Lạng Giang đề nghị giải quyết yêu cầu chị A (tức H2) trả tiền, nhưng được Công an huyện Lạng Giang hướng dẫn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang để được giải quyết. Nay chị H, anh H1 yêu cầu vợ chồng chị A (tức H2), anh L có trách nhiệm trả chị H, anh H1 145.500.000đ tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 17/8/2018 đến nay.

Phía chị Nguyễn Thị A (tức H2) xác định chị có ký vay tiền của chị H tại các giấy vay tiền ngày 07/6/2018, ngày 20/6/2018, ngày 27/6/2018, ngày 30/6/2018, ngày 10/7/2018, ngày 14/7/2018, ngày 15/7/2018, ngày 16/7/2018, ngày 26/7/2018 là đúng và chị đã nhận tiền để cho người khác vay lại. Tuy nhiên chị đã trả phần lớn số tiền, khi trả tiền chị không lập biên bản giao nhận. Do vậy chị chỉ đồng ý trả chị H số tiền 50.000.000đ.

Anh L xác định, anh không biết gì về việc vay tiền giữa chị H và vợ anh là Nguyễn Thị A (tức H2). Anh không biết vợ anh vay tiền làm gì và không sử dụng chi tiêu trong gia đình. Vì vậy anh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị H.

HĐXX xét thấy, căn cứ bản gốc các giấy biên nhận vay tiền do chị H, anh H1 xuất trình, lời khai nhận nợ của chị A (tức H2), cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Xác định được, cá nhân chị A (tức H2) có vay tiền của chị H không sử dụng vào mục đích chung của vợ chồng. Chị A (tức H2) không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh về việc đã trả tiền cho chị H, do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên hiện chị A (tức H2) còn nợ vợ chồng chị H, anh H1 145.500.000đ tiền gốc. Nay vợ chồng chị H, anh H1 yêu cầu vợ chồng chị A (tức H2), anh L phải có trách nhiệm thanh toán trả 145.500.000đ tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 17/8/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ, nhưng vì chị A (tức H2) không sử dụng nguồn tiền vay này vào mục đích chung của vợ chồng, anh L không ký nhận vay, nên không thể buộc cả anh L cùng có nghĩa vụ trả nợ được, mà cần buộc cá nhân chị A (tức H2) phải có trách nhiệm thanh toán trả vợ chồng chị H, anh H1 số tiền gốc và lãi suất. Về lãi suất cụ thể được tính như sau:

$145.500.000đ \times 0,83\%/tháng \times 42 tháng 01 ngày = 50.762.000đ.$

Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, buộc chị Nguyễn Thị A (tức H2) phải có trách nhiệm thanh toán trả vợ chồng chị Trần Thị H, anh Huỳnh Ngọc H1 145.500.000đ tiền gốc và 50.762.000đ tiền lãi suất; tổng cộng cả gốc và lãi suất là 196.262.000đ (một trăm chín sáu triệu hai trăm sáu hai nghìn đồng), xét là phù hợp.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên chị Nguyễn Thị A (tức H2) phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho chị H.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Áp dụng: Điều 26; 35; 147; 228; 235; 264; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 357; 463; 466; 468 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H. Buộc chị Nguyễn Thị A (tức H2) phải có trách nhiệm thanh toán trả vợ chồng chị Trần Thị H, anh Huỳnh Ngọc H1 145.500.000đ tiền gốc và 50.762.000đ tiền lãi suất; tổng cộng cả gốc và lãi suất là 196.262.000đ (một trăm chín sáu triệu hai trăm sáu hai nghìn đồng).

2/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị A (tức H2) phải chịu 9.813.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Trần Thị H 4.417.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012497, ngày 28/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành, mà người phải thi hành án không thi hành, hoặc thi hành chưa xong; thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi xuất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt, niêm yết bản án vắng mặt.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Lạng Giang
- Chi cục THA huyện Lạng Giang
- Các đương sự
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)
Thân Trọng Khôi**